

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 49/2022/DS-ST

Ngày: 29-6-2022

*V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hằng

2. Bà Thạch Thị Lan Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Y. Trụ sở: Số 744B, Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ văn phòng: Số 11 T, Lô 90, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn Y, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Phan Đình T, sinh năm 1969, theo văn bản ủy quyền ngày 08/10/2021.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Thế H, sinh năm: 1959, bà Phạm Thị T1, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đăng C. Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông Y có mặt còn vợ chồng ông H, bà T1 và ông C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Đình T trình bày: Ngày 05/4/2019 Công ty Y được sự đồng ý của chính quyền địa phương nên đã tổ chức hội thảo tại tổ dân phố C, thị trấn N, huyện L để bán phân vi sinh cho các hộ dân trong tổ dân phố, việc này có thông qua tổ trưởng tổ dân phố lúc đó là ông Nguyễn Đăng C. Trong các hộ dân tại tổ dân phố C thì có vợ chồng ông Nguyễn Thế H, bà Phạm Thị T1 có mua của Công ty Y 4.000kg phân hữu cơ vi sinh, giá thỏa thuận là 4.800đồng/kg, thành tiền là 19.200.000đồng, thời hạn trả tiền đến ngày 25/12/2019 là hạn cuối cùng, lãi suất quá hạn là 1,5%/ tháng. Quá thời hạn trên ông H, bà T1 không trả tiền mua phân cho công ty, đã nhiều lần công ty yêu cầu ông H, bà T1 trả nợ nhưng ông H, bà T1 không trả. Vì vậy, Công ty Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thế H, bà Phạm Thị T1 trả cho công ty số tiền gốc mà ông H, bà T1 còn nợ do mua phân từ năm 2019 là 19.200.000đồng và tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất 1,5%/ tháng vi phạm là ngày 26/12/2019 cho đến ngày khởi kiện là: 19.200.000đồng x 1,5%/ 1 tháng x 16 tháng 15 ngày, thành tiền là 4.752.000đồng. Ngoài ra Công ty Y không còn yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai và quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Phạm Thị T1 trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Thế H, hiện nay ông H bị bệnh không đến Tòa án làm việc được. Về yêu cầu khởi kiện của Công ty Y thì bà thừa nhận ngày 05/4/2019 vợ chồng bà có mua 4.000kg phân vi sinh của Công ty Y, đơn giá là 4.800đồng/ 1kg, thành tiền là 19.200.000đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25/12/2019. Đến nay vợ chồng bà vẫn nợ Công ty Y số tiền 19.200.000đồng tiền

gốc là đúng. Tuy nhiên sau khi mua phân của Công ty Y vợ chồng bà bón cho tiêu thì cả vườn tiêu của ông bà bị chết nên không có thu nhập để trả cho công ty. Nay Công ty Y yêu cầu vợ chồng bà trả cho công ty số tiền gốc 19.200.000đồng thì vợ chồng bà đồng ý trả nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình bà khó khăn nên bà đề nghị công ty cho vợ chồng bà trả dần còn tiền lãi thì bà không đồng ý trả. Ngoài ra bà T1 không còn ý kiến gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Thế H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đăng C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H, ông C đều vắng mặt khi Tòa án triệu tập và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự có mặt nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự vắng mặt nhưng không ai có ý kiến gì. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền gốc là 19.200.000đ và lãi suất quá hạn theo mức đã thỏa thuận là 1,5%/ 1 tháng từ ngày 26/12/2019 cho đến ngày 26/5/2022 là 8.352.000đồng. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 19.200.000đồng, lãi suất quá hạn theo mức lãi suất 1,5%/ 1 tháng tính từ vi phạm đến ngày 26/5/2022, thành tiền là 8.352.000đồng. Về án phí: Ông H, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vợ chồng ông H, bà T1 và ông C vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Y khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà T1 trả số tiền 19.200.000đồng mà ông H, bà T1 đã mua phân của công ty từ năm 2019, thời hạn trả cuối cùng là ngày 25/12/2019, đến nay đã quá hạn công ty đã đòi nhiều lần nhưng ông H, bà T1 không trả nên phát sinh tranh chấp. Do đó, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”* là phù hợp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty TNHH MTV Y (viết tắt là Công ty Y) được Cục bảo vệ thực vật thuộc Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh. Ngày 05/4/2019 giữa Công ty Y và ông H, bà T1 có thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán kèm phiếu giao nhận hàng hóa, theo đó ông H, bà T1 đã mua của Công ty Y 4.000kg phân, tên hàng hóa được thể hiện trong hợp đồng là HCVS, giá 4.800đồng/1kg, thành tiền là 19.200.000đồng, thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 25/12/2019. Nguyên đơn đã xuất trình bản phô tô có chứng thực hợp đồng trên, trong hợp đồng có thể hiện người nhận hàng là ông Nguyễn Thế H có ký, ghi họ tên. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn nhưng ông H vắng mặt còn bà T1 thừa nhận 05/4/2019 vợ chồng bà có mua của Công ty Y 04 tấn phân vi sinh

với giá tiền 4.800đồng/kg, thành tiền là 19.200.000đồng, do sau khi bón phân cây bị chết nên đến nay vợ chồng bà vẫn chưa trả cho công ty số tiền trên. Nay công ty khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải trả cho công ty số tiền gốc 19.200.000đồng thì bà đồng ý trả. Xét thấy, việc Công ty Y với ông H, bà T1 ký kết hợp đồng mua bán phân bón vào ngày 05/4/2019 là các bên hoàn toàn tự nguyện, hợp đồng trên phù hợp với quy định của pháp luật, bị đơn đồng ý trả số tiền 19.200.000đồng tiền gốc cho Công ty Y nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Y, buộc vợ chồng ông H, bà T1 phải trả cho Công ty Y số tiền gốc đã mua phân là 19.200.000đồng.

[3.1] Tại phiên tòa, ngoài việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc là 19.200.000đồng thì nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi suất quá hạn theo mức 1,5%/ tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 26/12/2019 cho đến ngày 26/5/2022, tính thành tiền là 8.352.000đồng. Xét thấy, trong hợp đồng mua bán ngày 05/4/2019 giữa các bên có thỏa thuận: *“lãi suất 1,5%/ tháng đối với những trường hợp trả tiền sau ngày 25/12/2019”*, thỏa thuận này phù hợp với quy định của khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự: *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả”*. Đồng thời, mức lãi suất các bên thỏa thuận cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả là 8.352.000đồng.

[3.2] Từ những nhận định trên xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 19.200.000đồng, tiền lãi là 8.352.000.000đồng, tổng cộng là 27.552.000đồng.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông H, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn, mức án phí dân sự sơ thẩm cụ thể như sau: 27.552.000đồng x 5% = 1.377.000 đồng. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Y về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” với vợ chồng ông Nguyễn Thế H, bà Phạm Thị T1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thế H, bà Phạm Thị T1 phải trả cho Công ty TNHH MTV Y số tiền gốc là 19.200.000đồng, tiền lãi là 8.352.000đồng, tổng cộng là 27.552.000đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thế H, bà Phạm Thị T1 phải chịu 1.377.000đồng (một triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Y số tiền 599.000đồng (năm trăm chín mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí mà công ty đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002800 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/6/2022), riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Như Quỳnh